

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

Số : 1361/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Khánh Hòa, ngày 12 tháng 6 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)  
Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang – phường Phương Sơn, phường  
Ngọc Hiệp và phường Phương Sài – Tp. Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh v/v Ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 21/10/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Điều chỉnh một phần quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Ngọc Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 12/09/2006 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/1.000 Khu dân cư khu vực sông Kim Bông;

Căn cứ Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư phía Nam Khu dân cư sông Kim Bông;



Căn cứ Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND thành phố Nha Trang về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu vực sông Kim Bồng;

Căn cứ Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 Nút giao thông Ngọc Hội – đường 23 tháng 10;

Căn cứ Quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 Đường vành đai 2;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang, phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/04/2018 của UBND Tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang, phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài, thành phố Nha Trang;

Căn cứ văn bản số 8889/UBND-XDND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh, cập nhật một số nội dung có liên quan đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc bờ Sông Cái Nha Trang;

Căn cứ văn bản số 430/UBND-XDND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh v/v Chủ trương điều chỉnh, cập nhật một số nội dung có liên quan đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 227/TB-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Kết luận về quá trình sử dụng đất tại dự án Chò Vò, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 267/TB-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Kết luận về việc nghe báo cáo điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc bờ Sông Cái Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 52/TB-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Kết luận về việc nghe báo cáo các nội dung liên quan Quy hoạch Khu dân cư dọc bờ Sông Cái Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang - phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài - thành phố Nha Trang;

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 346/BQL-QLDA2 ngày 26/3/2020 về việc thẩm định và phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang - phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài - thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa và Kết quả thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch của Sở Xây dựng tại văn bản số 4545/SXD-KTQH ngày 24/3/2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang – phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài - thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa với những nội dung chính sau:

**I. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang – phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài - thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.

**II. Phạm vi, quy mô và tính chất khu vực lập quy hoạch:** Không thay đổi so với đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/04/2018; theo đó:

**1. Phạm vi, quy mô khu vực lập quy hoạch:**

Khu vực lập quy hoạch có diện tích 141,76 ha, thuộc địa giới hành chính phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài; được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: giáp Sông Cái.
- Phía Nam: giáp đường sắt, đường 23/10 và đường Phương Sài.
- Phía Tây: giáp đường sắt.
- Phía Đông: giáp đường Thủy Xưởng và đường quy hoạch D3 (xác định theo đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu vực sông Kim Bông được UBND thành phố Nha Trang phê duyệt tại Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 21/12/2012).

**2. Tính chất khu vực lập quy hoạch:** Là khu dân cư kết hợp dịch vụ và dịch vụ du lịch phía bờ Nam sông Cái, bao gồm các khu vực hiện hữu cải tạo chỉnh trang và các khu vực phát triển mới.

**III. Các nội dung điều chỉnh so với đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang – phường Phương Sơn, phường Ngọc Hiệp và phường Phương Sài – thành phố Nha Trang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/04/2018:**

**1. Các nội dung điều chỉnh chính:**

- Điều chỉnh ranh giới thu hồi đất dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang;
- Điều chỉnh mở rộng trường tiểu học Ngọc Hiệp;
- Vi chỉnh để cập nhật một số vị trí nhà ở hiện trạng;
- Bổ sung có điều chỉnh một số nội dung của dự án Khu tái định cư Chò Vò, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang;
- Cập nhật, điều chỉnh nội dung liên quan dự án Trung tâm Dịch vụ thể dục thể thao Ngọc Hiệp;
- Cập nhật, cụ thể hóa các nội dung điều chỉnh liên quan của đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) Khu dân cư dọc bờ sông Cái Nha Trang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 24/4/2020.

**2. Tổng hợp các nội dung điều chỉnh cụ thể sau khi hoàn thiện hồ sơ bao gồm:**

- Cập nhật và cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) liên quan đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; theo đó:

+ Điều chỉnh và cụ thể hóa Quy hoạch sử dụng đất của một số ô đất:

TT	Nội dung QHSDD theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
1	X1C	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,08	X1C	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,03
	M36L	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,13	M36L	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,16
	N40I	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,20	N40I	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,23
2	M19	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,10	N13HB	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10
	N13H	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,17	N13HA	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,05
	X5	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02	M19B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,14
	X4	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,01	Q45	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,01
	N13D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,15	M19A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,05
				N13D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10
3	X6	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,05	X6	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,03
	N13I	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,34	N13I	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,30
4a	X10	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,08	Q46	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,03
	N16D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,53	N13D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,58
4b	X9	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,04	X9	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,03
	N16C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,19	M17C	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,10
				N16C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,07
5	N20A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,04	N20A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,12
	N20D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,06			
	X15	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02			
	X16	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02	Q47	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,03
	N20B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,26	N20B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,25

TT	Nội dung QHSDD theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
6	M14G	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,09	M14G	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,21
	M14F	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,10			
	X19	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02			
7	N22D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,22	N22D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,24
	X12A	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02			
8	X13	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02	N22H	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,26
	N22H	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,08			
	N22I	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,14			
9	M10C	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,13	M10C A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,10
				M10C B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,03
	N25B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,19	N25B	Đất ở hiện trạng cải tạo (vi chỉnh ranh giới)	0,19
10	M10D	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,05	M10D	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,09
	M10E	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,13	M10E	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,06
11	N25C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,18	N25C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,19
12	M14A	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,19	M14A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,18
13	N18A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,08	N18A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,09
14	M14C	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,09	M14C	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,09
	N18G	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,14	N18G	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,14
15	X30	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,02	N31B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,55
	N31B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,44			
	N31C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10			
16	N2B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,19	N2B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,25
	X36	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,05			
17	D12c	Đất ở liền kề (thuộc khu tái định cư Ngọc Hiệp)	0,15	N16F	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,17
18	TH3	Trường TH Ngọc Hiệp	0,63	TH3	Trường TH Ngọc Hiệp	0,76
	N14B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,08			
	N14A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,29			
	N15B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,12			

TT	Nội dung QHSDĐ theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
19	TT1A	Đất trung tâm đa chức năng phát triển mới	0,90	TT1A	Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	0,52
20	Q31	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,11	Q31	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng. (vi chỉnh ranh giới)	0,11
21	N20G	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10	N20G	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10
				Q44	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,01
22	Q27C	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,01	N19D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,24
	N19D	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,24			
23	M9F	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,03	M9F	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,14
	M9G	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,11			
24	Q27B	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,01	Q27B	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,005
	N19K	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,11	N19K	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,108
25	Q14	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,97	Q14	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp via hè mở rộng.	0,872
26	M2C	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,10	M2C	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,178
	M2I	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,08			
27	M2B	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,20	M2B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,307
	M2D	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,11			
28	M1D	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,14	M1D	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,195
	M1G	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,05			
29	M3A	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,08	M3A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,139
	M4G	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,06			

TT	Nội dung QHSDD theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
30	M4B	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,07	M4B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,137
	M4C	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,07			
31	M5A	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,06	M5A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,228
	M5D	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,17			
32	M6B	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,06	M6B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,234
	M6C	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,17			
33	M22	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,13	M22	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,08
				M23	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,15
				TT1C	Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	0,1
	TT1B	Đất trung tâm đa chức năng phát triển mới	0,34	TT1B	Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	0,27
	M23	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,11	C10	Đất công trình công cộng dự trữ	0,14
	P1	Bãi đỗ xe	0,09	P1	Bãi đỗ xe	0,1
	Q1B	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,09	Q1B	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,58
	Q1E	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,04	Q37	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,003
	Q34	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,01	Q34	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,084
				D14	Đất ở liền kề (thuộc dự án tái định cư)	0,18
			D15	Đất ở liền kề (thuộc dự án tái định cư)	0,06	

TT	Nội dung QHSDĐ theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
34	M24	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,17	M24A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,15
				M24B	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,15
	Q1C	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,64	Q1C	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,42
	V2	Đất công trình dịch vụ, thương mại, khách sạn, văn phòng	0,43	V2	Đất công trình dịch vụ, thương mại, khách sạn, văn phòng	0,35
35	T9	Đất tôn giáo, di tích	0,22	TT27	Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	0,22
36	N17A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,03	N17	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,39
	N17B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,22			
	N17C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,10			
	Q32	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,29	Q32	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,25
37	N25A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,1	N25A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,11
	X21	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,01			
38	N27A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,37	N27A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,36
				Q33	Cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi kết hợp vỉa hè mở rộng	0,01
39	M51A	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,03	M51A	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,027
	N30A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,217	N30A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,222
	X28	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,05	X28	Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	0,06
40	N33B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,077	N33B	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,079
				Q48A	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp vỉa hè mở rộng.	0,001
	N33C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,293	N33C	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,289
				Q48B	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp vỉa hè mở rộng.	0,0005
41	N31A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,22	N31A	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,30
	M59	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,09	Q24B	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp vỉa hè mở rộng.	0,002

TT	Nội dung QHSDĐ theo QĐ 1061/QĐ-UBND ngày 17/04/2018			Nội dung điều chỉnh		
	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô đất	Chức năng sử dụng	Diện tích (ha)
42	N12	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,28	N12	Đất ở hiện trạng cải tạo	0,17
				Q52	Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp vỉa hè mở rộng.	0,01
	M20	Đất ở liền kề tái định cư - tái phát triển	0,29	M20	Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	0,10
				TT28	Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	0,29

+ Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với các nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

#### IV. Nội dung đồ án quy hoạch sau khi điều chỉnh:

##### 1. Tổ chức không gian và thiết kế đô thị:

###### 1.1. Tổ chức không gian – thiết kế đô thị tổng thể:

\* Hệ thống giao thông chính và giao thông nội bộ trong các cụm dân cư:

- Hệ thống đường khu vực và đường chính đô thị:

+ Xây dựng tuyến đường, kết hợp với các vườn hoa, quảng trường ven sông Cái gắn với các dãy phố hướng ra sông Cái (có đường giao thông cơ giới tiếp cận từ phía sau).

+ Xây dựng tuyến đường chính đô thị theo hướng Đông - Tây đi cách sông Cái một dãy ô phố, kết nối với cầu vượt qua đường sắt, nối với khu vực Tây Nha Trang ở phía Tây và kết nối với đường ven sông Cái - đoạn phía Đông Sông Kim Bồng.

+ Hoàn thiện và bổ sung các tuyến đường chính, đường khu vực, và đường nội bộ trong khu dân cư, đảm bảo lưu thông trong khu vực và kết nối với các trục chính đô thị.

+ Mở rộng vỉa hè phía không gian xây dựng công trình tại những tuyến phố, những khu vực trung tâm đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển dịch vụ (cho phép sử dụng một phần vỉa hè để kinh doanh dịch vụ, có thể xác định các khu vực này là vỉa hè mở rộng – quảng trường nhỏ).

+ Tổ chức các tuyến đường ven sông Kim Bồng và sông Bà Vệ với vỉa hè gắn với các dải quảng trường nhỏ ven sông và dọc theo các dãy phố ven sông. Tại một số đoạn, đường giao thông không đi ven sông mà đi lùi vào sau một lớp công trình ven sông với khoảng lùi của công trình xây dựng so với mặt nước được tổ chức thành các sân dạo, vườn hoa, quảng trường công cộng không bị giao thông cơ giới chia cắt, tạo điều kiện hình thành tuyến phố dịch vụ có chất lượng ở ven sông, gắn với các khu dân cư.

- Hệ thống đường nội bộ trong khu dân cư: quy hoạch bổ sung và cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường nhánh, đường nội bộ trong các cụm dân cư trên cơ sở cải tạo và nâng cấp, kết nối mạng lưới đường hiện trạng. Các tuyến đường nội bộ, ngõ có bề rộng từ 4m - 7m, một số chỗ mở rộng thành sân chơi nhỏ để cộng đồng hoặc tổ chức điểm quay xe..

*\* Hệ thống không gian mở công cộng, gồm:*

- Các khu vực cảnh quan, vườn hoa, sân chơi, quảng trường công cộng ven các sông: thiết kế đảm bảo có giá trị cảnh quan, thuận lợi cho các hoạt động giao lưu cộng đồng và gắn với các dãy phố dịch vụ.

- Vía hè của các tuyến đường giao thông ven sông được mở rộng về phía xây dựng công trình để tạo thành sân - quảng trường nhỏ công cộng, tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, dịch vụ.

- Các sân chơi trong khu dân cư được tổ chức trong các nhóm nhà ở cao tầng.

- Vía hè dọc các tuyến đường giao thông được trồng cây bóng mát, bố trí giàn hoa.

*\* Hệ thống trung tâm đô thị, gồm:* Trung tâm đô thị ven Sông Cái; trung tâm đô thị ven Sông Kim Bông và sông Bà Vệ; trung tâm đô thị hiện hữu ven tuyến đường 23 -10 và đường Lương Định Của; Trung tâm đô thị mới ven các tuyến đường đô thị mới, hình thành trên cơ sở khuyến khích phát triển dịch vụ tại các khu đất tái phát triển – tái định cư.

- Chức năng chính trong các khu vực trung tâm gồm: các tổ hợp công trình dịch vụ, nhà ở và công trình hỗn hợp, gắn với các dịch vụ du lịch (khuyến khích xây dựng cao tầng). Kết hợp các cấu trúc đô thị lớn (những khối nhà cao tầng) với các cấu trúc đô thị nhỏ (các dãy phố và cụm công trình đơn lẻ trung và thấp tầng).

- Các công trình công cộng được quy hoạch đảm bảo đáp ứng nhu cầu theo quy mô dân số dự báo cho khu vực lập quy hoạch và các khu vực có liên quan. Các công trình dịch vụ đô thị và dịch vụ công cộng được quy hoạch tạo thành không gian công cộng trong lõi các đơn vị ở.

## **1.2. Tổ chức không gian – thiết kế đô thị chi tiết cho các khu chức năng đô thị:**

### **a. Thiết kế chi tiết cho các không gian mở chính:**

*\* Các giải pháp thiết kế chi tiết áp dụng trong các không gian mở công cộng:*

- Tổ chức không gian cây xanh gồm các vùng trồng cây bóng mát và vùng thảm cỏ thấp, thảm hoa để tạo khối và tầm nhìn, hạn chế dùng loại cây cảnh cắt tỉa.

- Trên các tuyến đường trồng nhiều cây bóng mát và được thiết kế để tạo ra nhiều tuyến phố có sắc thái cảnh quan riêng, tạo các khoảng trống lớn nhỏ đa dạng, mở rộng một số vỉa hè, lòng đường làm không gian mở và bãi đỗ xe.

- Bố trí các sân chơi công cộng phục vụ các nhóm nhà ở trên các quỹ đất trống, đất nông nghiệp quy mô nhỏ đan xen trong khu dân cư. Trong sân chơi công cộng có thể bố trí nhà sinh hoạt cộng đồng và được tổ chức có ít nhất một phía tiếp giáp với công trình xây dựng hoặc đường đi bộ. Sân chơi tổ chức dạng sân lát và trồng cây bóng mát, bố trí các tiện ích công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, vui chơi giải trí của người dân.

*\* Quảng trường ven sông Cái:*

- Tổ chức công viên - quảng trường ven sông Cái gồm dải công viên quảng trường cùng cao độ xây dựng với các dãy phố ven sông và dải công viên quảng trường ven mặt nước xây dựng cơ bản trên cao độ nền hiện trạng.

- Bố trí nhiều điểm tiếp cận, kết nối chuyển cao độ giữa dải quảng trường giáp các dãy phố với dải quảng trường ven mặt nước với các hình thức chuyển cốt đa dạng, tạo sự sinh động, hấp dẫn cho khu vực quảng trường.

- Bố trí một số dịch vụ nhỏ ở những khoảng cách 150m - 300m, thuận lợi đáp ứng nhu cầu của người sử dụng không gian công cộng.

- Tổ chức bến thuyền, khu vực quảng trường rộng và các dịch vụ phục vụ cho các hoạt động liên quan đến bến thuyền.

- Bố trí khu vui chơi trẻ em

- Bố trí một số chỗ ngồi ven mặt nước.

*\* Quảng trường trung tâm kết nối không gian ven sông Cái và sông Bà Vệ:*

- Là khu vực điểm nhấn cảnh quan, kết nối không gian ven sông Bà Vệ với không gian ven sông Cái, được thiết kế theo ngôn ngữ hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi tổ chức các hoạt động giao lưu cộng đồng, các buổi biểu diễn nghệ thuật ngoài trời, triển lãm,...

- Tổ chức các hướng tiếp cận thuận lợi vào quảng trường trung tâm từ nhiều phía.

- Tổ chức dãy phố liên kế có một mặt tiền tiếp giáp với quảng trường, khuyến khích sử dụng ở kết hợp dịch vụ; không bố trí hàng rào tại mặt tiếp giáp với quảng trường.

*\* Hệ thống quảng trường, vườn hoa ven sông Bà Vệ - sông Kim Bông*

Là không gian công cộng trong lõi khu đô thị. Các giải pháp thiết kế không gian sân chơi, quảng trường cần đảm bảo thuận tiện cho hoạt động ngắm cảnh, vui chơi, giao lưu cộng đồng cũng như tổ chức một số dịch vụ ngoài trời... Ưu tiên tổ chức các khu vực quảng trường, vườn hoa công cộng ven sông không bị giao thông cơ giới chia cắt.

*\* Hệ thống đường dạo, ngắm cảnh, đi xe đạp:*

Tổ chức đường dạo, ngắm cảnh tại các dải quảng trường ven sông sông Cái, sông Bà Vệ. Dọc theo các tuyến đường này, bố trí các cảnh quan nhỏ, những chỗ tập thể dục, những khu vực ngồi ngắm cảnh, quảng trường nước, tiểu cảnh v.v. và các thiết bị tiện ích công cộng như: nhà vệ sinh, điểm đỗ xe đạp, vòi nước uống công cộng,...

***b. Thiết kế chi tiết cho các khu vực đô thị:***

*\* Khu vực đô thị phía Bắc - giáp cầu đường sắt và Khu đô thị trung tâm đa chức năng phát triển mới ven sông Cái:*

- Trong Khu vực đô thị phía Bắc - giáp cầu đường sắt: các khu dân cư không giáp các tuyến đường mở mới được giữ lại cải tạo, nâng cấp; các khu dân cư có địa hình thấp trũng, không giải quyết được vấn đề thoát nước hoặc tiếp giáp các tuyến đường mở mới được quy hoạch, giải tỏa để tái phát triển và bố trí tái định cư dạng nhà phố liên kế, mở rộng vỉa hè phía bên xây dựng công trình tạo thành chuỗi không gian quảng trường đi bộ và thuận lợi phát triển dịch vụ.

- Bố trí các dãy phố liên kế ven sông phục vụ mục đích tái định cư, có tiềm năng phát triển thành các dãy phố dịch vụ ven sông; Khuyến khích kết hợp nhiều lô đất để xây dựng công trình có khối tích lớn hơn – thuận lợi cho hoạt động dịch vụ.

- Bố trí các tổ hợp công trình cao tầng đan xen với các dãy phố liên kế, để tận dụng được không gian chiều cao, nâng cao hiệu quả khai thác cảnh quan ven sông. Các công trình cao tầng được sử dụng cho nhiều chức năng, như: khách sạn, thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở...; Ưu tiên bố cục công trình có các cạnh dài quay hướng Nam và hướng Bắc để hạn chế chiếu nắng trực tiếp vào công trình, hướng tới tiết kiệm năng lượng. Mật độ xây dựng đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn về Quy hoạch xây dựng để đảm bảo tạo không gian thông thoáng, sân chơi phục vụ chung cho cả các khu dân cư lân cận.

- Tái phát triển quỹ đất và bố trí tái định cư dọc tuyến phố chính; mở rộng vỉa hè phía bên xây dựng công trình tạo thành chuỗi không gian quảng trường để đi bộ và thuận lợi phát triển dịch vụ.

- Thiết kế quảng trường trung tâm kết nối không gian sông Bà Vệ và sông Cái – là một điểm nhấn về không gian.

*\* Khu trung tâm đô thị đa chức năng phát triển mới ven sông Bà Vệ:*

- Bố cục các công trình có nhịp điệu với mặt tiền hướng ra sông, tạo được nhiều không gian mở có thể bố trí thành các không gian quảng trường công cộng kết hợp dịch vụ.

- Tổ hợp các công trình cao tầng được khuyến khích sử dụng hỗn hợp như : dịch vụ, khách sạn, văn phòng, siêu thị hay các trung tâm thương mại... kết hợp với nhà ở.

- Bố trí các bãi đỗ xe nhiều tầng (ngầm và trên mặt đất), đảm bảo khả năng sử dụng cho khu vực và giảm thiểu tác động tiêu cực của bãi đỗ xe tới cảnh quan.

- Mỗi cụm công trình đều được thiết kế một khu sân chơi nội bộ bao gồm cây xanh bóng mát, sân TDTT nhỏ, bồn cỏ, bồn hoa, giàn hoa, ghế, bệ ngồi, các trò chơi an toàn cho trẻ em...

*\* Khu tái định cư Ngọc Hiệp:*

Thực hiện theo dự án khu tái định cư Ngọc Hiệp; khuyến khích ghép lô, tạo thành những lô đất có diện tích lớn hơn.

*\* Khu dân cư cải tạo chỉnh trang và tái định cư:*

- Mở rộng và nối thông các tuyến đường hiện trạng, đảm bảo bề rộng tối thiểu 4m.

- Đối với các tuyến đường mở mới và ven các sông Bà Vệ và Sông Kim Bông, thực hiện thu hồi đất và tái định cư hai bên các tuyến đường.

- Khuyến khích các hộ sử dụng đất tự điều chỉnh để kết hợp nhiều lô đất để tạo thành các lô lớn hơn, thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh dịch vụ. Khuyến khích xây dựng có khoảng lùi để tạo không gian thông thoáng cho các tuyến phố.

### 1.3. Quy hoạch không gian chiều cao, mật độ xây dựng và khoảng lùi xây dựng công trình:

#### \* Quy hoạch không gian chiều cao:

- Khu vực trung tâm đa chức năng phát triển mới ven sông, bao gồm các chức năng: nhà ở, dịch vụ, văn phòng...: tại khu vực ven sông Cái, chiều cao xây dựng tối đa cho phép là 40 tầng; tại khu vực ven sông Bà Vệ, chiều cao xây dựng tối đa cho phép là 35 tầng.

- Tại một số điểm dọc các tuyến đường chính đô thị (lộ giới  $\geq 20m$ ) trong các khu đô thị cải tạo và tái phát triển, có diện tích đất  $\geq 1.000 m^2$  chiều cao xây dựng công trình tối đa cho phép là 20 tầng; với quỹ đất lớn hơn  $3.000 m^2$  chiều cao xây dựng công trình tối đa cho phép là 25 tầng. Các lô đất có diện tích nằm giữa khoảng  $1.000 m^2$  đến  $3.000 m^2$  được nội suy chiều cao tối đa cho phép từ 20 – 25 tầng.

- Các khu vực phát triển dạng dãy phố liên kế, chiều cao xây dựng không quá 06 tầng. Khuyến khích kết hợp các lô đất thành lô lớn hơn để xây dựng công trình. Khi kết hợp các lô đất thành lô có diện tích  $\geq 1.000 m^2$  thì có thể nâng cao tầng cao xây dựng công trình theo các quy định nêu trên, nhưng, tại các dãy phố liên kế ven sông Cái không được xây dựng quá 04 tầng (kể cả tầng mái).

- Các công trình giáo dục, chợ, hành chính, y tế, văn hóa trong đơn vị ở có chiều cao xây dựng không quá 05 tầng, riêng trường mầm non không quá 04 tầng (không bố trí lớp học từ tầng 4 trở lên); đồng thời phải tuân thủ các quy định chuyên ngành.

#### \* Quy hoạch khoảng lùi xây dựng công trình:

- Quy định về khoảng lùi phù hợp với tính chất, quy mô lô đất, chiều cao xây dựng công trình... và tuân thủ quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng; cụ thể:

- Đối với các công trình điểm nhấn: cần xây dựng có khoảng lùi để tạo được không gian riêng trước mỗi công trình, tạo điểm đón tầm nhìn dọc theo các tuyến đường.

- Đối với các tuyến đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn 7m: khi công trình cải tạo, xây dựng mới cần có khoảng lùi để đảm bảo độ thông thoáng tối thiểu là 3,5m từ mặt tiền công trình đến tim đường giao thông đi qua trước lô đất. Xem xét một số hẻm, sau khi quy hoạch hệ thống giao thông và áp dụng quy định về khoảng lùi mà diện tích đất xây dựng công trình còn lại  $< 25 m^2$  thì được điều chỉnh giảm kích thước khoảng lùi hoặc không bắt buộc phải có khoảng lùi.

- Đối với các tuyến phố liên kế xây dựng ven các quảng trường và không gian công cộng: tại một số khu vực có thể cho tiếp cận trực tiếp (lộ giới xây dựng trùng với đường ranh giới trong của không gian công cộng); với những lô đất rộng, khuyến khích xây dựng có khoảng lùi để tạo được không gian thông thoáng riêng trước mỗi công trình.

- Công trình công cộng xây dựng mới hoặc xây dựng lại phải đảm bảo khoảng lùi tối thiểu theo quy định.

#### \* Quy hoạch mật độ xây dựng:

Mật độ xây dựng trong các khu đất xây dựng công trình tuân thủ QCXDVN về mật độ xây dựng, tương ứng với chiều cao công trình và kích thước lô đất, phù hợp với tổ chức không gian cụ thể của từng khu vực, cũng như các quy định đối với công trình công cộng. Mật độ xây dựng tối đa cho phép được quy định cho từng khu đất và thể hiện trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

## 2. Quy hoạch sử dụng đất:

### 2.1. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất khu vực thiết kế

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>141,76</b>		
<b>I</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>	<b>106,14</b>	<b>74,87</b>	<b>45,51</b>
1.1	Đất ở	60,80	42,89	
	• Đất ở hiện trạng cải tạo	31,50	22,22	46,16
	• Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng	16,74	11,81	22,75
	• Đất ở liền kề (thuộc dự án tái định cư)	5,61	3,95	22,92
	• Đất thu hồi để phát triển mới công trình cao tầng đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: dịch vụ, nhà ở, cơ quan văn phòng, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng)	6,94	4,90	10,38
1.2	Đất công trình công cộng trong đơn vị ở	4,31	3,04	1,85
	• Đất trường học	3,63	2,56	
	• Đất công trình công cộng khác	0,68	0,48	
1.3	Đất cây xanh quảng trường, công viên và thể dục thể thao	19,64	13,86	8,42
	• Đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông và quảng trường, sân chơi công cộng kết hợp vỉa hè mở rộng	17,21	12,14	
	• Đất cây xanh sân chơi, vườn hoa công cộng	1,66	1,17	
	• Đất vườn hoa, sân thể dục - thể thao công cộng	0,34	0,24	
	• Đất dịch vụ thể dục - thể thao	0,43	0,30	
1.4	Giao thông trong đơn vị ở	21,39	15,09	9,17
	• Bãi đỗ xe	2,03	1,43	
	• Đất giao thông phân khu vực, nội bộ	19,36	13,66	
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>35,62</b>	<b>25,13</b>	<b>15,27</b>
2.1	Đất tôn giáo, di tích	2,53	1,78	1,08
2.2	Đất cơ quan	1,03	0,73	0,44
2.3	Đất công trình công cộng ngoài đơn vị ở	0,33	0,23	0,14
2.4	Đất công trình dịch vụ, thương mại, khách sạn, văn phòng	1,25	0,88	0,54
2.5	Cây xanh cách ly	0,45	0,32	0,19
2.6	Giao thông chính đô thị, khu vực	27,44	19,35	11,76
2.7	Giao thông đối ngoại	2,59	1,83	1,11

## **2.2. Quy hoạch sử dụng đất theo các khu chức năng:**

- Đất công trình công cộng: các công trình công cộng cơ bản trong đơn vị ở có tổng diện tích khoảng 4,31 ha – trung bình 1,85 m<sup>2</sup>/người. Bao gồm: UBND phường Ngọc Hiệp; Trạm y tế phường Ngọc Hiệp; Chợ; 02 trường THCS; 02 trường tiểu học; 04 trường mầm non và một số công trình dịch vụ khác trong đơn vị ở.

- Các công trình phục vụ công cộng như trường học, y tế, và các công trình phục vụ hoạt động thương mại, dịch vụ không chỉ được giới hạn trong các quỹ đất công cộng trong đồ án đã xuất mà còn được khuyến khích phát triển thêm trong các khu đa chức năng, nhằm huy động các nguồn lực từ khu vực tư nhân và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đô thị.

- Đất các khu đa chức năng: bao gồm Đất thu hồi để phát triển mới đa chức năng khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng (có thể gồm một hoặc nhiều chức năng trong các chức năng sau: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng, cơ quan văn phòng) – 6,94ha; Đất thu hồi để phát triển đất ở kết hợp dịch vụ mới khi thực hiện các dự án giao thông và hạ tầng 16,74ha; Đất ở liền kề (phục vụ dự án tái định cư) – 5,61ha; Đất ở hiện trạng cải tạo, phát triển trên cơ sở cải tạo nâng cấp các khu ở hiện trạng – 31,50ha. Các loại đất ở có thể sử dụng cho các chức năng: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng.

- Đất tôn giáo: có tổng diện tích 2,53ha, đa số các công trình tôn giáo cơ bản được giữ nguyên theo hiện trạng. Riêng khu vực chùa Quán Thánh hiện hữu sẽ được bố trí tại vị trí khác ngoài khu vực thiết kế do diện tích bị thu hẹp.

- Đất cây xanh quảng trường, công viên và thể dục thể thao: bao gồm đất cây xanh quảng trường, sân chơi ven sông; đất sân chơi, quảng trường kết hợp vỉa hè mở rộng, đất cây xanh vườn hoa công cộng, đất thể dục thể thao công cộng và đất dịch vụ thể dục thể thao với tổng diện tích khoảng 19,64ha – trung bình 8,42 m<sup>2</sup>/người.

- Ngoài ra, còn có các loại đất như: đất cơ quan; đất công trình công cộng dự trữ (được sử dụng để xây dựng các công trình công cộng theo nhu cầu phát sinh trong quá trình phát triển đô thị); đất cây xanh cách ly.

## **3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng:**

### **3.1. Quy hoạch giao thông:**

- *Giao thông đối ngoại:*

+ Đường sắt: Đảm bảo hành lang an toàn đường sắt, các khu vực đường ngang cần có hệ thống tín hiệu, có cán bộ trực gác, có rào chắn bảo vệ.

+ *Giao thông đô thị:*

- Tuyến đường vành đai 2 bề rộng 34m.
- Nút giao thông khác mức Ngọc Hội tại vị trí giao giữa đường 23/10 và đường sắt.
- Xây dựng tuyến đường hướng Đông Tây có bề rộng 24m kết nối khu vực thiết kế với phía Tây Nha Trang, qua đường sắt.

- Xây dựng tuyến đường dọc sông Cái kết hợp kè và công viên - quảng trường ven sông, có bề rộng lòng đường 13m trong đó mỗi bên gồm 1 làn xe cơ giới và 2 làn xe phi cơ giới, vỉa hè mở rộng thành quảng trường kết hợp kè ven sông. Khi tuyến đường chính theo hướng Đông - Tây kết nối với Tây Nha Trang được xây dựng, tuyến đường ven sông này sẽ chỉ dành cho đi xe đạp và đi bộ.

- Nâng cấp, cải tạo, kết hợp xây dựng mới hệ thống đường khu vực, phân khu vực. Bề rộng mặt cắt dự kiến 15 - 20m.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Phương Sài với bề rộng đường 16m.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Thủy Xưởng đoạn phía Nam sông Kim Bồng với bề rộng đường 16m (tuân thủ quy hoạch phân khu 1/2000 khu dân cư phía Nam sông Kim Bồng). Tiếp tục đầu tư mới tuyến đường Thủy Xưởng kéo dài sang phía Bắc sông Kim Bồng với bề rộng đường 20m.

- Xây dựng mới, cải tạo các tuyến đường nội bộ và các ngõ hẻm có bề rộng từ 4m - 10m, đấu nối hợp lý với hệ thống đường khu vực. Đảm bảo lưu thông nội bộ thuận lợi.

- Tổ chức phân luồng hợp lý tại các nút giao cùng mức và khác cốt.

- *Giao thông thủy*: Xây dựng bến thuyền du lịch; khu vực bến thuyền tiếp cận đất liền ở cốt bằng cốt quảng trường ven sông; dự phòng các cột neo thuyền tại vỉa hè cùng cao độ với tuyến đường kè ven sông để sử dụng trong trường hợp có lũ, mưa lớn.

- *Công trình giao thông*:

+ Bãi đỗ xe: hệ thống bãi đỗ xe được bố trí gần các khu vực công cộng, chợ, các di tích văn hóa, nhà thờ, chùa, công viên, quảng trường... Các bãi đỗ xe cao tầng được bố trí tại các khu vực trung tâm phát triển mới ven sông, bán kính phục vụ từ 400-500m.

+ Bố trí bãi đỗ xe ưu tiên lưu trú xe du lịch tại vị trí phía Bắc giáp chân cầu đường sắt.

+ Cầu, cống trong khu vực được xây dựng phù hợp với tải trọng của từng tuyến đường.

### **3.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:**

- *San nền*:

+ Cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq 2,3m$ , cao độ sàn công trình  $\geq 2,8m$ .

+ Đối với khu vực dân cư hiện trạng có cao độ nền (thường là cao độ sân)  $< 1,8m$ , để đảm bảo thoát nước mưa, trong điều kiện các hộ dân chưa thể nâng ngay cốt nền xây dựng lên 2,3m như cao độ khống chế tối thiểu, đồ án xác định cao độ xây dựng đường giao thông nội bộ (khi cải tạo và xây dựng lại) giai đoạn đầu là 1,8m (chênh so với cao độ nền sân của các hộ dân hiện trạng khoảng 0 - 1m), đồng thời xây dựng mương nắp đan có hõng thu nước 2 bên ở cao độ hiện trạng. Khi đa số các hộ dân đã nâng cốt nền xây dựng lên cao độ khống chế là 2,3m và cao độ sàn công trình  $\geq 2,8m$ ; khuyến khích các hộ dân sớm nâng cao cốt nền xây dựng để giảm thiểu tác động của mưa lũ.

**- Thoát nước mưa:**

+ Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn.

+ Hướng thoát: thoát ra sông Bà Vệ, sông Kim Bồng rồi thoát ra sông Cái và sông Quán Trường. Khai thông đoạn nhánh từ sông Kim Bồng ra sông Quán Trường bằng cách bóc bỏ đoạn cống hiện có kích thước 2x2,5m (dài khoảng 330m); đoạn từ vị trí gần cống qua đường sắt đến cửa xả ra sông Quán Trường được thay thế bằng kênh mương hở, kết nối sông Kim Bồng – Bà Vệ vào kênh mương hở mới này và kết nối ra sông Quán Trường.

+ Xây dựng cống điều tiết tại vị trí sông Kim Bồng kết nối ra sông Cái và ra Sông Quán Trường để điều tiết mực nước sông Kim Bồng.

**- Giải pháp kỹ thuật khác:**

+ Cải tạo, kiên cố hóa và nạo vét định kỳ các trục tiêu trong khu vực.

+ Xây dựng taluy, tường chắn bảo vệ đường và khu đất với những khu chênh cao > 1,0 m.

**3.3. Quy hoạch cấp nước:**

- **Nguồn nước:** Tiếp tục sử dụng nước từ hệ thống cấp nước thành phố Nha Trang (cấp nước từ nhà máy nước Xuân Phong - công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngđ và nhà máy nước Võ Cảnh - công suất 98.000 m<sup>3</sup>/ngđ, lấy nước thô từ hệ thống sông Cái Nha Trang).

**- Tổ chức mạng lưới đường ống:**

+ Đường ống phân phối được thiết kế dạng mạng vòng gồm các tuyến ống Ø100mm, Ø150mm (đảm bảo an toàn cấp nước) kết hợp mạng đường ống nhánh Ø40mm, Ø50mm (dạng cành cây).

+ Đường kính ống dự kiến có kích thước từ Ø40mm đến Ø150mm.

+ Độ sâu chôn ống tối thiểu cách mặt đất 0,50m, ống qua đường xe chạy độ sâu chôn ống không được nhỏ hơn 0,7m.

+ Đường ống được thiết kế đến chân công trình.

**- Giải quyết chữa cháy:**

+ Chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy, xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả, áp lực cột nước tự do lúc này không được nhỏ hơn 10m.

+ Họng cứu hoả được bố trí trên các tuyến ống 100mm trở lên.

+ Họng cứu hỏa được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy, như: ở ngã ba, ngã tư đường phố.

**3.4. Quy hoạch cấp điện**

**a. Nguồn điện:** Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110KV Nha Trang, công suất 110/35/22kV - 2x63MVA; cách khu vực thiết kế khoảng 3km.

**b. Lưới điện:**

- **Lưới điện trung thế:**

+ Lưới điện trung thế sẽ có kết cấu mạch vòng, vận hành hở với dự phòng 100%; dự dụng cáp ngầm 24kV, cách điện XLPE/PVC.

+ Các tuyến đường dây nổi 22kV lộ 475 và lộ 476 đoạn đi qua khu vực nghiên cứu, về dài hạn sẽ được hạ ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn trong vận hành, quản lý lưới điện trung thế.

+ Xây dựng mới 02 tuyến cáp ngầm trực chính 22kV lấy nguồn từ trạm 110kV Nha Trang để cấp điện cho toàn bộ phụ tải trong khu vực, tiết diện XLPE - 3x240 mm<sup>2</sup>. Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm rẽ nhánh từ tuyến trực chính cấp cho các trạm biến áp khu vực, tiết diện cáp rẽ nhánh 120 mm<sup>2</sup>.

- *Lưới điện hạ thế*: sử dụng cáp ngầm, điện áp 220/380V, kết cấu hình tia. Từ các trạm biến áp sẽ có các tuyến cáp ngầm hạ thế cấp điện cho các tủ điện phân phối cho từng nhóm nhà ở và từ tủ phân phối sẽ có các tuyến cáp cấp cho các hộ tiêu thụ. Bán kính phục vụ của mạng lưới điện hạ thế đảm bảo nhỏ hơn hoặc bằng 300m.

- *Lưới điện chiếu sáng*:

+ Mạng lưới chiếu sáng trong khu dân cư sử dụng cáp ngầm, tiết diện 4x10mm<sup>2</sup>. Khoảng cách tính toán giữa các cột trung bình là 30-35m.

+ Đèn chiếu sáng sử dụng loại bóng công nghệ mới, tiết kiệm điện để chiếu sáng chung cho đường phố.

### ***c. Trạm biến thế phân phối:***

+ Các trạm biến áp hiện có nằm trong ranh giới quy hoạch sẽ được giữ lại để sử dụng sau khi đã duy tu bảo dưỡng.

+ Cấp điện áp của trạm hạ thế theo tiêu chuẩn là 22/0,4KV. Vị trí các trạm hạ thế xây mới được lựa chọn với bán kính phục vụ không quá 300m. Trạm hạ thế sử dụng loại trạm 1 cột và trạm hợp bộ kiểu Kiot.

## ***3.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:***

### ***a. Quy hoạch thoát nước thải:***

- Khu vực thiết kế dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sẽ được thu gom theo hệ thống cống riêng biệt đưa về trạm xử lý nước thải tập trung số 2 đã được xây dựng nằm gần khu công nghiệp chế biến thủy sản Bắc Hòn Ông, sát bờ sông Tắc công suất dài hạn 60.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Tất cả các hộ gia đình, cơ quan, công trình công cộng... đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách. Nước thải từ các công trình công cộng, các công trình nhà ở, sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải đô thị.

- Nước thải tự chảy theo các tuyến cống. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,55m, tối đa là 4,5 m tính tới đỉnh cống.

- Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm các cỡ đường kính D200-D700 bằng BTCT, độ dốc tối thiểu  $i = 1/d$ .

- Nước thải được xử lý theo dây chuyền công nghệ mương oxy hoá sâu. Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14-2008 đối với nguồn loại B trước khi xả ra tiếp nhận.

### ***b. Quy hoạch thu gom và xử lý CTR:***

- CTR cần được thu gom, phân loại tại nguồn phát sinh. CTR vô cơ được định kì thu gom; CTR hữu cơ được thu gom hàng ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe ép rác chuyên dụng và sẽ chuyên chở đến khu xử lý chất thải rắn Lương Hòa quy mô 30ha.

- Các hình thức thu gom rác gồm:

+ Đối với khu vực cơ quan, công trình công cộng, chất thải rắn được thu gom trực tiếp thông qua hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển chất thải rắn.

+ Tại các khu vực công viên cây xanh, bố trí các thùng rác nhỏ dọc theo các đường dạo với khoảng cách 50m/thùng.

+ Đối với khu vực nhà ở cao tầng cần xây dựng hệ thống thu gom rác từ trên cao xuống thùng rác cho từng đơn nguyên, kinh phí xây dựng các thùng rác sẽ được tính trong kinh phí xây dựng công trình.

+ Đặt các thùng rác dọc theo các tuyến đường với khoảng cách thuận tiện cho người dân đổ rác, bán kính phục vụ không quá 100m. Khuyến khích áp dụng hình thức thùng rác bán ngầm.

### ***c. Quy hoạch quản lý nghĩa trang nhân dân:***

Trong tương lai khu vực thiết kế sử dụng nghĩa trang nhân dân phía Tây thành phố Nha Trang.

### **3.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:**

- Khu vực quy hoạch thuộc mạng trạm chuyển mạch thành phố Nha Trang, tín hiệu được cấp từ HOST Lê Lợi.

- Mạng ngoại vi: Xây dựng mới các tuyến cáp quang ngầm tốc độ cao tín hiệu chính tới các khu đất, từ đó phối cáp cho các mạng cáp thuê bao. Mạng cáp phối (cáp thuê bao) sử dụng cáp quang hoặc cáp đồng. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bê. Các tủ, hộp cáp bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

- Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ triển khai mạng Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến tận thuê bao.

- Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng tới những đơn vị có nhu cầu qua mạng cáp truyền hình.

### **4. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

Cần ưu tiên triển khai một số dự án đầu tư, tạo động lực thúc đẩy các hoạt động phát triển đô thị như sau:

- Xây dựng đường, kè gắn với các hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với công viên, quảng trường công cộng và tái định cư ven sông Cái (kết nối với đường vành đai 2 và vượt qua đường sắt;

- Cấm mốc quản lý các quỹ đất chuyển đổi chức năng dọc theo các dòng sông, dọc theo các tuyến đường và các quỹ đất xây dựng các công trình công cộng;

- Nạo vét lòng sông, xây dựng đường kè gắn với các hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với vườn hoa, quảng trường công cộng và cơ sở hạ tầng cho các quỹ đất tái định cư và trung tâm đô thị phát triển mới ven sông Kim Bông và sông Bà Vệ;

- Xây dựng dải đô thị và tái định cư hai bên đường chính 24m đến chân cầu vượt qua đường sắt;

- Xây dựng các tuyến đường từ đường cấp phân khu vực trở lên gắn với các hạ tầng kỹ thuật và tái định cư hai bên các tuyến đường mới;

- Lắp đặt 5.130 m tuyến ống cấp nước phân phối Ø150mm;

- Xây dựng các tuyến cống thoát nước thải chính và đấu nối với hệ thống thoát nước của thành phố.

- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng trong các cụm dân cư hiện hữu được giữ lại cải tạo;

- Xây dựng mới các tuyến đường dây 22KV trục chính và rẽ nhánh cấp điện cho các trạm biến áp 22/0,4KV trong khu vực;

- Xây dựng các trạm biến thế phân phối 22/0,4KV;

- Xây dựng mới hệ thống điện hạ thế, chiếu sáng từ các trạm biến áp cấp đến các hộ tiêu thụ.

- Xây dựng tuyến cống chính đấu nối vào mạng lưới thoát nước Thành phố.

### **5. Các giải pháp kiểm soát và bảo vệ môi trường:**

#### ***- Giải pháp bảo vệ môi trường nước:***

+ Thực hiện xử lý sơ bộ nước thải phát sinh theo từng công trình, khu chức năng.

+ Sau khi xử lý tại mỗi khu, nước thải được thu gom bằng hệ thống cống riêng hoàn toàn và đưa đến khu xử lý tập trung.

#### ***- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:***

+ Khuyến khích dùng khí tự nhiên hay dùng điện thay cho việc sử dụng nhiên liệu than dầu trong các công trình dịch vụ phục vụ ăn uống.

+ Phương tiện giao thông công cộng hoạt động trong khu vực ưu tiên sử dụng xe điện hoặc xe sử dụng nhiên liệu là khí hoá lỏng (CNG) hoặc khí thiên nhiên (NG).

+ Khu vực nghiên cứu với việc quy hoạch mật độ cây xanh, mặt nước hợp lý sẽ góp phần đáng kể vào việc cải thiện chất lượng không khí.

+ Các tuyến giao thông chính trong khu vực cần được trồng cây xanh để tạo bóng mát, cải thiện vi khí hậu, hạn chế bụi và tiếng ồn.

#### ***- Giải pháp bảo vệ môi trường đất:***

+ Sử dụng đất hợp lý, theo quy hoạch sử dụng đất của từng khu chức năng.

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý triệt để nước thải, chất thải rắn phát sinh, không để gây ô nhiễm môi trường đất: sử dụng hệ thống thu gom nước thải riêng hoàn toàn, phân loại rác tại nguồn, xử lý tập trung.

+ Tính toán lượng đất đào đắp hợp lý để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường đất.

+ Đối với bùn đất phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án cải thiện vệ sinh môi trường (nạo vét, dọn dẹp bùn rác ở sông Kim Bông và sông Bà Vệ) được đem về xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại khu xử lý chất thải rắn Lương Hoà.

**- Giải pháp bảo vệ môi trường do chất thải rắn gây ra:**

+ Cát thải rắn từ các khu chức năng cần được phân loại ngay tại nguồn phát sinh, cụ thể chất thải rắn sinh hoạt phân thành 3 loại: chất thải rắn hữu cơ, chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn có thể tái chế.

+ Chất thải sinh hoạt nên được thu gom và xử lý tại bãi rác tập trung, thu gom về địa điểm tập kết rồi đưa thẳng về xử lý tại khu xử lý CTR Lương Hoà, phía bắc thành phố Nha Trang.

**V. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng.**

Quản lý quy hoạch xây dựng thực hiện theo Luật Sửa đổi và bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019; đồng thời tuân thủ theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết được phê duyệt và các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Đồ án điều chỉnh quy hoạch được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt kèm Quyết định này xem như điều chỉnh, bổ sung và thay thế một phần đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/4/2018; các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên theo đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/4/2018.

**Điều 3.** Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận Tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; UBND thành phố Nha Trang quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang; Giám đốc Ban Quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /*le*

**Nơi nhận :**

- Như điều 4;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ban PC HĐND tỉnh;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, CN, HM (20b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuấn